

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-TĐHTPHCM ngày 30 tháng 12 năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

Tên chương trình: **Chương trình Đào tạo đại học**

Trình độ đào tạo: **Đại học chính quy**

Ngành đào tạo: **Bất động sản** Mã số: **7340116**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu trong lĩnh vực Bất động sản cho xã hội nói chung và ngành Tài nguyên & Môi trường nói riêng, có phẩm chất chính trị, lập trường tư tưởng, hiểu biết pháp luật và lý tưởng sống tốt đẹp, trên cơ sở được trang bị nền tảng kiến thức về đại cương, vững chắc về cơ sở ngành, chuyên sâu trong tổ chức nghiên cứu, quản lý và giải quyết các vấn đề chuyên môn, ứng dụng tốt công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề chuyên môn, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế và có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể: (Kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc sau tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ, tin học,...)

+ PO 1: Hệ thống kiến thức cơ bản về Triết học và Kinh tế học chính trị Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật đại cương phù hợp với ngành Bất động sản.

+ PO 2: Hệ thống các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội phù hợp với ngành Bất động sản.

+ PO 3: Kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành vững chắc cùng với kiến thức ngành quản lý đất đai để có năng lực thực hành nghề nghiệp một cách tổng thể có hệ thống trong việc phân tích thị trường, lập và quản lý dự án đầu tư phát triển bất động sản, định giá, marketing và quản trị bất động sản trong mối liên hệ với tài nguyên đất đai, nước và khí hậu.

+ PO 4: Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và làm việc. Kỹ năng sử dụng các phần mềm văn phòng và các phần mềm tin học khác phù hợp với ngành đào tạo đáp ứng được nhu cầu công việc.

+ PO 5: Phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp; Có tinh thần tự chịu trách nhiệm cá nhân, chịu trách nhiệm trước nhóm trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Có khả năng và tinh thần tự học và học tập nâng cao trình độ. Có khả năng đảm nhiệm công tác chuyên môn, nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực của ngành Bất động sản.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

+ ELO1: Vận dụng kiến thức cơ bản của các môn triết học và kinh tế học chính trị để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội; vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết những vấn đề trong công tác chuyên môn và đời sống.

+ ELO 2: Ứng dụng các kiến thức về khoa học tự nhiên và xã hội làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành, để nghiên cứu và giải quyết các công việc chuyên môn.

+ ELO 3: Liên kết được các kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành làm nền tảng cho việc học tập các môn học ngành và chuyên ngành.

+ ELO 4: Vận dụng được phương pháp luận và phương pháp nghiệp vụ trong lĩnh vực phát triển và quản trị bất động sản, đồng thời vận dụng các văn bản pháp luật trong quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản để hiểu và tổ chức thực hiện các hoạt động nghề nghiệp trong thị trường bất động sản có sự quản lý của nhà nước.

+ ELO 5: Áp dụng được các quy trình và giải pháp quy hoạch, kiến trúc, kỹ thuật và tài chính để tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ của ngành bất động sản bao gồm: phân tích thị trường và định giá bất động sản, đầu tư phát triển và quản trị bất động sản.

+ ELO 6: Phát triển được các kiến thức chuyên ngành đã được học để đề xuất được các giải pháp về đầu tư phát triển bất động sản, quản trị kỹ thuật và kinh doanh bất động sản phù hợp với định hướng phát triển đất đai và thị trường bất động sản của nhà nước.

2.2. Kỹ năng

+ ELO 7: Sử dụng được tiếng Anh để hoàn thành báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày và trao đổi được các ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn. Đạt một trong các chuẩn kỹ năng tiếng Anh với mức điểm tối thiểu để xét tốt nghiệp:

- Chứng nhận TOEIC nội bộ (do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP HCM cấp) 450;

- Chứng chỉ quốc tế còn thời hạn: TOEIC 450, TOEFL PBT 450, TOEFL CBT 133, TOEFL iBT 45, IELTS 4.5;

- Chứng chỉ B1 (tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

+ ELO 8: Sử dụng được các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho công việc chuyên môn. Đạt một trong các chuẩn kỹ năng Tin học để xét tốt nghiệp: Chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản hoặc nâng cao (do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT - BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016); hoặc chứng chỉ Tin học văn phòng quốc tế MOS (Word, Excel, Powerpoint) với điểm đạt từ 700 trở lên.

+ ELO 9: Thực hiện tốt các kỹ năng trong giao tiếp, hợp tác, đàm phán, quản lý mâu thuẫn và phản biện chuyên môn khi thực hiện các dự án, công trình, đề tài nghiên cứu.

+ ELO 10: Sử dụng thành thạo các loại máy móc, trang thiết bị và các phần mềm chuyên ngành để khảo sát, đo đạc, thu thập và xử lý số liệu phục vụ các công tác chuyên môn trong lĩnh vực Bất động sản.

+ ELO 11: Phân tích được những thông tin trong lĩnh vực bất động sản để khái quát hóa vấn đề và xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết trong thực tiễn liên quan đến hoạt động nghề nghiệp một cách khoa học, hiệu quả.

+ ELO 12: Tổ chức được các công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, thu thập, xử lý số liệu tại thực địa.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ ELO 13: Giải quyết được các hoạt động chuyên môn và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước tập thể về các quyết định của cá nhân, sẵn sàng chia sẻ kiến thức chuyên môn để giúp ích cho cộng đồng và xã hội.

+ ELO 14: Giám sát những người cùng nhiệm vụ thực hiện công việc được giao. Có thể tự định hướng giải quyết công việc, tự đưa ra kết luận cá nhân và bảo vệ được quan điểm cá nhân khi thuyết trình, bảo vệ các dự án, công trình, đề tài nghiên cứu.

+ ELO 15: Đánh giá được những khó khăn, nguy hiểm và tìm ra các giải pháp xử lý khi thực hiện các nhiệm vụ như điều tra, khảo sát thu thập thông tin về đất đai và thị trường bất động sản.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

a. Kiến thức giáo dục đại cương:.

- Kiến thức giáo dục đại cương bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: 42 tín chỉ.

- Kiến thức giáo dục đại cương không bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: 29 tín chỉ.

+ Bắt buộc: 25 tín chỉ.

+ Tự chọn: 4/8 tín chỉ (Chọn 4 tín chỉ để học trong tổng số 8 tín chỉ tự chọn).

b. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 107 tín chỉ.

- Kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành: 95 tín chỉ.

+ Bắt buộc: 69 tín chỉ.

+ Tự chọn: 26/64 tín chỉ (26 tín chỉ tự chọn để học trong tổng số 64 tín chỉ tự chọn).

- Kiến thức tốt nghiệp: 12 TC.

+ Thực tập tốt nghiệp: 4 TC.

+ Khóa luận / Đồ án tốt nghiệp: 8 TC.

Tổng khối lượng: 136TC (không tính các học phần GDTC, QPAN).

Tổng khối lượng: 149 TC (tính cả các học phần GDTC, QPAN).

4. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Được thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ) bố trí các học phần kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo ngành học trong thời gian quy định cho khóa học và thỏa mãn các yêu cầu về kết quả học tập và các điều kiện khác theo Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
- Có các chứng chỉ theo yêu cầu chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh, chứng chỉ giáo dục thể chất,...);
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ và tin học theo quy định của trường.

6. Cách thức đánh giá

Kết quả học tập được đánh giá theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ do Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh ban hành bao gồm hai loại thang điểm:

a) Thang điểm 10 là thang điểm tiện ích tham chiếu, được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm,...) sử dụng thang điểm 10.

b) Thang điểm 4 là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10 dựa theo Bảng 1, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1. Danh sách các học phần và trong chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần mới	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
	1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			43							
	1.1. Bắt buộc			39							
1	12 11 1 5 010	Triết học Mác - Lênin	2	3	45	0	0		90		
2	12 11 1 5 011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	2	30	0	0		60		
3	12 11 1 5 012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4	2	30	0	0		60		
4	12 11 1 5 013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	30	0	0		60		
5	12 11 15 014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	6	2	30	0	0		60		
6	11 13 1 5 006	Anh văn 1	1	3	45	0	0		90		
7	11 13 1 5 002	Anh văn 2	2	3	45	0	0		90	11 13 1 5 006	
8	11 11 1 5 008	Toán cao cấp 1	1	2	30	0	0		60		
9	11 11 1 5 009	Toán cao cấp 2	2	2	30	0	0		60	11 11 1 5 008	
10	11 11 1 5 011	Xác suất thống kê	2	2	30	0	0		60	11 11 1 5 009	

TT	Mã học phần	Tên học phần mới	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
11	12 11 1 5 015	Pháp luật đại cương	1	2	30	0	0		60		
12	Giáo dục thể chất										
12.1	20 00 15 001	GDTC - Đá cầu	1	1	6	24	0				
12.2	20 00 15 002	GDTC - Bóng chuyền	1	1	6	24	0				
12.3	20 00 15 003	GDTC - Cầu lông	1	1	6	24	0				
12.4	20 00 15 004	GDTC - Điền kinh	1	1	6	24	0				
12.5	20 00 15 005	GDTC - Thể dục	1	1	6	24	0				
13	20 11 1 5 006	Giáo dục quốc phòng - an ninh	1	8	0	0	0				
	1.2. Tự chọn			4							
14	11 11 1 5 010	Toán cao cấp 3	3	2	30	0	0		60		Tự chọn: 4/8TC
15	11 12 1 5 009	Cơ - Nhiệt	1	2	30	0	0		60		Tự chọn: 4/8TC
16	11 12 1 5 010	Điện tử - Quang	2	2	30	0	0		60	11 12 1 5 001	Tự chọn: 4/8TC
17	11 12 1 5 004	Hóa học đại cương	2	2	30	0	0		60		Tự chọn: 4/8TC
	2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			107							
	2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			25							
	2.1.1. Bắt buộc			11							
18	16 01 1 5 100	Trắc địa đại cương	3	3	45	0	0		90		
19	16 03 1 5 101	Bản đồ đại cương	4	2	30	0	0		60		
20	17 01 1 5 151	Cơ sở dữ liệu đại cương	2	2	30	0	0		60		
21	17 02 1 5 002	Hệ thống thông tin địa lý đại cương	3	2	30	0	0		60		
22	17 01 1 5 010	Lập trình căn bản	4	2	30	0	0		60		
	2.1.2 Tự chọn			14							
23	18 02 1 5 212	Kinh tế vi mô	1	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
24	18 02 1 5 213	Kinh tế vĩ mô	2	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
25	18 02 1 5 666	Kinh tế học đại cương	1	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
26	18 02 1 5 999	Kinh tế học bền vững	2	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
27	14 01 1 5 002	Môi trường và con người	1	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
28	13 11 1 5 070	Khí tượng và khí hậu đại cương	1	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
29	13 12 1 5 060	Thủy văn đại cương	1	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC

TT	Mã học phần	Tên học phần mới	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
30	22 11 1 5 069	Tài nguyên nước	1	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
31	15 00 1 5 150	Sinh thái học cảnh quan	2	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
32	19 01 1 5 152	Địa chất thủy văn sinh thái	3	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
33	15 00 1 5 103	Logic học đại cương	4	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
34	15 00 1 5 104	Tâm lý học đại cương	4	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
35	15 00 1 5 119	Xã hội học đại cương	3	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
36	15 00 1 5 120	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
37	15 00 1 5 151	Địa lý học lịch sử Việt Nam	2	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
38	11 11 1 5 012	Toán ứng dụng	3	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
39	15 04 1 5 401	Quản trị học	3	2	30	0	0		60		Tự chọn: 14/34TC
2.2. Kiến thức cơ sở ngành				10							
39	15 04 1 5 118	Nguyên lý thống kê	3	2	30	0	0		60		
40	15 02 1 5 101	Cơ sở quản lý đất đai	2	2	30	0	0		60		
41	15 01 1 5 101	Tài nguyên đất đai	3	2	30	0	0		60		
42	15 04 1 5 101	Kinh tế đất đai	3	2	30	0	0		60		
43	15 02 1 5 116	Chính sách đất đai	3	2	30	0	0		60		
2.3. Kiến thức ngành				18							
44	15 01 1 5 118	Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất đai	5	2	30	0	0		60	15 01 1 5 101	
45	15 01 1 5 103	Đánh giá đất đai	4	2	30	0	0		60	15 01 1 5 101	
46	15 04 1 5 102	Định giá đất đai	5	2	30	0	0		60	15 04 1 5 101	
47	15 01 1 5 104	Quy hoạch sử dụng đất đai	5	2	30	0	0		60	15 04 1 5 101	
48	15 04 1 5 119	Phân tích định lượng cho quản lý	4	2	6	24	0		60		
49	15 04 1 5 108	Tài chính và đầu tư bất động sản	6	2	30	0	0		60	15 04 1 5 104	
50	15 04 1 5 115	Phát triển bất động sản	7	2	30	0	0		60	15 04 1 5 109	
51	15 04 1 5 111	Quản trị bất động sản	6	2	30	0	0		60	15 04 1 5 104	
52	15 00 1 5 101	Phương pháp nghiên cứu khoa học	5	2	30	0	0		60	15 02 1 5 101	
2.4. Kiến thức chuyên ngành				42							
2.4.1. Bắt buộc				30							
53	15 03 1 5 101	Tin học chuyên ngành	6	1	15	0	0		30		

TT	Mã học phần	Tên học phần mới	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
54	15 03 1 5 102	Thực hành tin học chuyên ngành	6	2	0	0	60		60	15 03 1 5 101	
55	15 04 1 5 120	Mô hình hóa định giá đất đai	6	2	30	0	0		60	15 04 1 5 102	
56	15 04 1 5 104	Thị trường bất động sản	5	2	30	0	0		60		
57	15 04 1 5 105	Phân tích thị trường bất động sản	7	2	30	0	0		60	15 04 1 5 104	
58	15 04 1 5 106	Định giá bất động sản	6	2	30	0	0		60	15 04 1 5 104	
59	15 04 1 5 103	Hệ thống quản lý giá đất	7	2	30	0	0		60	15 04 1 5 102	
60	15 04 1 5 110	Marketing bất động sản	6	2	30	0	0		60	15 04 1 5 104	
61	15 04 1 5 112	Kiến trúc công trình xây dựng	6	2	30	0	0		60		
62	15 04 1 5 113	Dự toán công trình xây dựng	7	2	30	0	0		60	15 04 1 5 112	
63	15 04 1 5 109	Lập dự án đầu tư bất động sản	7	2	30	0	0		60	15 04 1 5 108	
64	15 04 1 5 114	Quản lý dự án đầu tư bất động sản	7	2	30	0	0		60	15 04 1 5 109	
65	15 04 1 5 125	Đồ án Định giá bất động sản	6	2	0	0	0	60		15 04 1 5 106	
66	15 04 1 5 126	Đồ án Phân tích thị trường bất động sản	7	2	0	0	0	60		15 04 1 5 105	
67	15 04 1 5 210	Đồ án Lập dự án đầu tư bất động sản	8	2	0	0	0	60		15 04 1 5 109	
68	15 04 1 5 127	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	5	1	0	0	0	30			
	2.4.2. Tự chọn			12							
69	15 02 1 5 120	Luật đất đai	4	2	30	0	0		60	15 02 1 5 116	Tự chọn: 12/30TC
70	15 02 1 5 123	Luật kinh doanh bất động sản	4	2	30	0	0		60	12 02 1 5 001	Tự chọn: 12/30TC
71	15 02 1 5 124	Luật nhà ở và Luật xây dựng	5	2	30	0	0		60	12 02 1 5 001	Tự chọn: 12/30TC
72	15 02 1 5 122	Luật dân sự	4	2	30	0	0		60	12 02 1 5 001	Tự chọn: 12/30TC
73	15 04 1 5 209	Marketing trực tuyến	7	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC
74	15 04 1 5 202	Kiến trúc cảnh quan	5	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC
75	15 00 1 5 205	Văn hoá bản địa và kiến trúc công trình du lịch - nghỉ dưỡng	7	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC
76	15 04 1 5 203	Kiến trúc công trình du lịch -	7	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC

TT	Mã học phần	Tên học phần mới	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
		nghỉ dưỡng vùng nông thôn									
77	15 04 1 5 211	Quản trị môi trường và kỹ thuật toà nhà	7	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC
78	15 01 1 5 122	Quy hoạch sử dụng đất đô thị	6	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC
79	15 00 1 5 203	Phong thuỷ và ứng dụng	6	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC
80	15 02 1 5 107	Hệ thống đăng ký đất đai	5	2	30	0	0		60	15 02 1 5 120	Tự chọn: 12/30TC
81	15 02 1 5 108	Thống kê và kiểm kê đất đai	5	2	30	0	0		60	15 02 1 5 120	Tự chọn: 12/30TC
82	15 03 1 5 105	Quản lý thông tin đất đai	5	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC
83	15 03 1 5 201	Cơ sở dữ liệu 3D và ứng dụng	6	2	30	0	0		60		Tự chọn: 12/30TC
2.5. Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp				12							
84	15 04 1 5 130	Thực tập tốt nghiệp	7	4	0	0	0	120		15 04 1 5 127	
85	15 04 1 5 131	Khóa luận tốt nghiệp	8	8	0	0	0	240		15 04 1 5 130	

Ghi chú: Ký hiệu:

- LT: Lý thuyết;

- TH, BT, TT, ĐA, BTL: Thực hành, Bài tập, Thực tập, Đồ án, Bài tập lớn

(*) Không kể GDTC và GDQP-AN.

7.2. Mô tả nội dung học phần trong chương trình đào tạo

TT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương					
1	12 11 1 5 010	Triết học Mác - Lênin	Ngoài một chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 chương bao quát nhưng nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.	45/0/90	

2	12 11 1 5 011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương bao quát những nội dung cơ bản về học thuyết giá trị, giá trị thặng dư, học thuyết kinh tế CNTB độc quyền, CNTB độc quyền nhà nước, sự mạnh giai cấp công nhân và cách mạng xã hội, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN, chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng thế giới.	30/0/60	
3	12 11 1 5 012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết các phạm trù, khái niệm, các quy luật chính trị - xã hội; Thực hiện đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước; Xây dựng thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn.	30/0/60	
4	12 11 1 5 013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Môn tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc chung. Sau khi học xong môn học này, người học sẽ có ý thức trong việc vận dụng những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động thực tiễn. Nội dung của môn học bao gồm 8 chương trình bày những vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu của môn học và trong mỗi chương sẽ trình bày những nội dung cơ bản theo mục tiêu của từng chương.	30/0/60	
5	12 11 15 014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Là học phần bắt buộc, được giảng dạy cuối cùng trong các học phần lý luận chính trị. Học phần cung cấp những tri thức cơ bản nhất về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần góp phần bồi dưỡng cho sinh viên về phẩm chất, đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp của dân tộc. Giúp sinh viên hiểu biết về sự ra đời và lãnh đạo đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam; Thực hiện những vấn đề lịch sử, kinh tế - xã hội của đất nước; Xây dựng tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tự hào, tự tôn dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.	30/0/60	
6	11 13 1 5 006	Anh văn 1	Thông qua 7 đơn vị bài học cung cấp cho sinh viên một số lượng từ vựng phong phú về các chủ điểm giáo dục, công việc, thư tín, hợp đồng, Về cú pháp cung cấp cho sinh viên cách sử dụng các loại từ loại trong tiếng Anh, câu ra lệnh, lời đề nghị, thông báo.	45/0/90	
7	11 13 1 5 002	Anh văn 2	Đây là nội dung Tiếng Anh cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình Tiếng Anh 7 năm ở bậc trung học	45/0/90	

8	11 11 1 5 008	Toán cao cấp 1	Trang bị cho sinh viên các khái niệm về tập hợp, ánh xạ, quan hệ và quan hệ thứ tự. Sinh viên nắm được các kiến thức về định thức, ma trận và lý thuyết hệ phương trình tuyến tính. Trang bị cho sinh viên khái niệm về không gian vector, hệ độc lập tuyến tính, cơ sở và số chiều không gian, ánh xạ tuyến tính và ma trận của nó, phép biến đổi tuyến tính, vector riêng và giá trị riêng. Nắm vững đường cong bậc hai và mặt bậc hai của hình học giải tích.	30/0/60	
9	11 11 1 5 009	Toán cao cấp 2	Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vector số học n chiều; ma trận và định thức; hệ phương trình tuyến tính; dạng toàn phương; hàm số và giới hạn; phép vi phân đối với hàm số một biến số; hàm nhiều biến và hàm ẩn; các bài toán cực trị; phép tính tích phân; phương trình vi phân; phương trình sai phân.	30/0/60	
10	11 11 1 5 011	Xác suất thống kê	Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.	30/0/60	
11	12 11 15 015	Pháp luật đại cương	Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự.	30/0/60	
12	200015001 200015002 200015003 200015004 200015005	Giáo dục thể chất GDTC - Đá cầu GDTC - Bóng chuyền GDTC - Cầu lông GDTC - Điền kinh GDTC - Thể dục	Phần 1: Thực hiện 90 tiết, ứng với 3 học phần: Điền kinh, bóng rổ và cầu lông, hoàn thành chương trình trong 3 học kỳ I, II và III. Phần 2: Thực hiện 90 tiết, ứng với 3 học phần: Điền kinh, bóng rổ và cầu lông,	30/120/0	

			hoàn thành chương trình trong 3 học kỳ I, II và III.		
13	201115006	Giáo dục quốc phòng – an ninh	Trang bị kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.		
14	11 11 1 5 010	Toán cao cấp 3	Học phần được kết cấu gồm ba nội dung lớn mà sinh viên cần nắm được đó là hàm số nhiều biến thực; tích phân bội và phương trình vi phân.	30/0/60	
15	11 12 1 5 009	Cơ - Nhiệt	Học viên cần nắm được các nội dung của môn học Cơ – Nhiệt bao gồm: Phần cơ học gồm những kiến thức cơ bản về động học và động lực học chất điểm, động lực học hệ chất điểm, năng lượng và cơ học chất lưu; Phần nhiệt học gồm nguyên lý I và nguyên lý II nhiệt động học.	30/0/60	
16	11 12 1 5 010	Điện từ - Quang	Môn học Điện Từ – Quang bao gồm những nội dung sau: Phần Điện Từ gồm những kiến thức cơ bản về trường tĩnh điện và trường điện từ; Phần Quang học gồm những kiến thức cơ bản về quang hình học và quang học sóng (trong đó nghiên cứu hiện tượng giao thoa và nhiễu xạ ánh sáng).	30/0/60	
17	11 12 1 5 004	Hóa học đại cương	Những định luật cơ bản của hoá học, các nguyên lý nhiệt động hoá học, cấu tạo chất, phản ứng hoá học, dung dịch, điện hoá, và các hệ keo.	30/0/60	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành					

18	16 01 1 5 100	Trắc địa đại cương	Nắm vững một số kiến thức cơ bản về trắc địa và bản đồ; những kiến thức về máy móc, dụng cụ đo đạc và cách sử dụng chúng trong công tác đo vẽ thành lập bản đồ địa hình; nắm vững kiến thức cơ bản về xây dựng lưới khống chế mặt phẳng, lưới khống chế độ cao phục vụ việc thành lập bản đồ địa hình; trình tự, nội dung các bước công tác khi đo vẽ thành lập bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc. Có khả năng sử dụng, kiểm nghiệm một số loại máy móc đo đạc thông thường dùng trong đo góc, đo khoảng cách và đo chênh cao; cách ghi chép, tính toán và xử lý kết quả đo đạc; có khả năng xây dựng lưới khống chế thành lập bản đồ địa hình; đo ngắm, tính toán, bình sai gần đúng đường chuyền độ cao phù hợp, đường chuyền độ cao khép kín và lưới đường chuyền độ cao một điểm nút; thành lập bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc.	45/0/90	
19	16 03 1 5 101	Bản đồ đại cương	Nắm vững kiến thức về khái niệm bản đồ, các phương pháp thành lập, biên tập, các quy trình công nghệ sản xuất và cách sử dụng bản đồ; những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ bản đồ và những quy định kỹ thuật biểu thị các yếu tố nội dung bản đồ. Có khả năng sử dụng các công cụ truyền thống và vận dụng những kiến thức đã học để biểu thị các yếu tố nội dung bản đồ đạt yêu cầu kỹ thuật; ứng dụng công nghệ mới vào công tác thành lập các loại bản đồ.	30/0/60	
20	17 01 1 5 151	Cơ sở dữ liệu đại cương	Nắm vững kiến thức về CSDL không gian, một số giải pháp CSDL không gian phổ biến, nội dung về CSDL tài nguyên đất và hệ thống thông tin đất đai. Có khả năng phân tích thiết kế cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.	30/0/60	
21	17 02 1 5 002	Hệ thống thông tin địa lý đại cương	Nắm vững các vấn đề cơ bản về GIS; Cơ sở dữ liệu địa lý; Các ứng dụng GIS. Có khả năng biết cách thu thập nguồn thông tin địa lý; Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin địa lý; Ứng dụng GIS giải quyết các vấn đề chuyên ngành.	30/0/60	
22	17 01 1 5 010	Lập trình căn bản	Nắm vững kiến thức về nguyên lý lập trình máy tính, nguyên tắc lập trình hướng sự kiện bằng Visual Basic, hiểu rõ được công dụng và các thuộc tính thường dùng của các đối tượng điều khiển chuẩn. Viết được giải thuật một số phần toán cơ bản bằng mã giả và lưu đồ, sử dụng thành thạo các đối tượng điều khiển chuẩn để viết ứng dụng bằng Visual	30/0/60	

			Basic, viết được một số ứng dụng cơ bản bằng Visual Basic.		
23	18 02 1 5 212	Kinh tế vi mô	Môn học giới thiệu đến sinh viên các nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô, sử dụng các lý thuyết và mô hình để giải thích các hiện tượng kinh tế. Việc ứng dụng các lý thuyết và mô hình luôn được quan tâm đúng mức trong suốt môn học. Có thể hiểu các vấn đề kinh tế mà xã hội đang phải đối mặt, hiểu cách thức thị trường hoạt động và các ứng dụng của nó; có khả năng phân tích tính hiệu quả của thị trường; hiểu cách thức giá cả được hình thành trong các cơ cấu thị trường khác nhau và ứng dụng lý thuyết kinh tế trong các vấn đề thực tế.	30/0/60	
24	18 02 1 5 213	Kinh tế vĩ mô	Cung cấp cho học viên về những kiến thức và công cụ phân tích một cách khách quan đối với nền kinh tế, nắm bắt được các vấn đề chính sách liên quan đến hoạt động tổng thể của nền kinh tế. Giải thích nguyên nhân nền kinh tế đạt được những thành công hay thất bại và các chính sách để nâng cao thành công của nền kinh tế. Vận dụng lý thuyết để giải thích các vấn đề kinh tế xã hội cơ bản mà thực tiễn đặt ra.	30/0/60	
25	18 02 1 5 666	Kinh tế học đại cương	Mục tiêu chính của môn học là giới thiệu những công cụ chính của kinh tế học vĩ mô hiện đại nhằm giúp các học viên hiểu biết đầy đủ và chính xác về những vấn đề kinh tế quan trọng và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ, để từ đó học viên có thể phân tích, dự báo những hiện tượng kinh tế trong thế giới thực.	30/0/60	
26	18 02 1 5 999	Kinh tế học bền vững	Lý thuyết kinh tế của nghiên cứu bền vững mà có chú ý đến các cơ sở can thiệp của đa chuyên ngành với trọng tâm là làm sao có thể đạt được chuẩn mực về kinh tế, sinh thái và văn hóa – xã hội trong giới hạn khả năng chịu đựng của thiên nhiên, cũng như đảm bảo thực thi nguyên tắc công bằng nội và liên thế hệ.	30/0/60	
27	14 01 1 5 002	Môi trường và con người	Nắm vững kiến thức chung về môi trường và mối quan hệ giữa môi trường với các vấn đề về dân số, tài nguyên nhằm đề ra chương trình hành động để bảo vệ môi trường.	30/0/60	

28	13 11 1 5 070	Khí tượng và khí hậu đại cương	Trang bị cho học viên những khái niệm cơ bản về khí tượng và khí hậu học, không khí và khí quyển, bức xạ và chế độ nhiệt của khí quyển, nước trong khí quyển, trường gió, trường áp và hoàn lưu khí quyển, phân vùng khí hậu và biến đổi khí hậu.	30/0/60	
29	13 12 1 5 060	Thủy văn đại cương	Trình bày tổng quan về nước trên trái đất và khoa học về nước; trình bày cơ sở vật lý của các hiện tượng và quá trình thủy văn; phân tích các điều kiện khí tượng và ảnh hưởng của chúng đến chế độ nước đất liền; trình bày các kiến thức cơ bản và tổng quát nhất về nước dưới đất; khái niệm và cách xác định lưu vực sông, các đặc trưng hình thái của sông ngòi và lưu vực; nghiên cứu cơ chế và một số quy luật chuyển động của nước trong sông, các dòng chảy vòng trong nước, tổng quan về chế độ dòng chảy và mực nước sông, ảnh hưởng của các điều kiện mặt đệm và hoạt động kinh tế của con người tới chế độ nước sông, chế độ dòng chảy phù sa sông và diễn biến dòng sông; trình bày các kiến thức cơ bản và tổng quát nhất về hồ, hồ chứa nhân tạo và đầm lầy.	30/0/60	
30	22 11 1 5 069	Tài nguyên nước	Trình bày những kiến thức cơ bản về nước trong các thủy vực lục địa như một loại hình tài nguyên thiên nhiên đặc biệt, trong mối quan hệ giữa nó với các yếu tố tự nhiên nhằm hướng tới sử dụng hợp lý và tối ưu cho cả con người và tự nhiên.	30/0/60	
31	15 00 15 150	Sinh thái học cảnh quan	Học phần Sinh thái học cảnh quan cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên ngành, sự hiểu biết về quan hệ phức tạp giữa hệ sinh thái học với cảnh quan, con người với cảnh quan cũng như sự đa dạng về hệ sinh thái, cảnh quan ở vùng nhiệt đới gió mùa ở Châu Á và Việt Nam nhằm bảo vệ những giá trị sinh thái cảnh quan phục vụ cho phát triển du lịch sinh thái.	30/0/60	
32	19 01 1 5 152	Địa chất thủy văn sinh thái	Môn học Địa chất thủy văn giới thiệu về nước dưới đất và môi trường vây quanh nó. Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về nguồn gốc hình thành, vận động, biến đổi tính chất, thành phần của nước dưới đất.	30/0/60	
33	15 00 1 5 103	Logic học đại cương	Là học phần bắt buộc, được giảng dạy trong chương trình đào tạo ngành quản lý đất đai, nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức về các hình thức, các quy tắc và quy luật của tư duy. Giúp sinh viên biết phân tích kết cấu của quá trình tư duy, chỉ ra các thao tác logic và phương pháp luận chuẩn xác để đạt được tri thức chân thực về thế giới.	30/0/60	
34	15 00 1 5 104	Tâm lý học đại cương	Là học phần tự chọn, được sắp xếp dạy ngay từ học kỳ đầu tiên của khóa học.	30/0/60	

			Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản để sinh viên hiểu được về tâm lý người, từ đó trang bị khả năng thích ứng tốt với môi trường xã hội. Sinh viên khi đang học và sau khi ra trường biết cách xây dựng tốt các mối quan hệ, cải thiện giao tiếp, tự tin với bản thân và phát triển sự nghiệp.		
35	15 00 1 5 119	Xã hội học đại cương	Xây dựng nền tảng cơ sở cho sinh viên hiểu và vận dụng cách ứng xử phù hợp với các mối quan hệ trong thực tế. Sinh viên nhận thức đúng đắn về vai trò, trách nhiệm cá nhân khi tham gia vào quan hệ xã hội, quan hệ pháp luật đất đai, nhằm lan tỏa ý nghĩa tích cực góp phần vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội	30/0/60	
36	15 00 1 5 120	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Là học phần tự chọn, được sắp xếp dạy ngay từ học kỳ đầu tiên của khóa học. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản để sinh viên hiểu được về văn hóa, tầm quan trọng của văn hóa trong sự phát triển của đất nước, từ đó trang bị những kỹ năng mềm, khả năng thích ứng tốt với môi trường xã hội. Sinh viên khi đang học và sau khi ra trường biết cách xây dựng tốt các mối quan hệ, cải thiện giao tiếp, tự tin với bản thân và phát triển sự nghiệp.	30/0/60	
37	15 00 15 151	Địa lý học lịch sử Việt Nam	Học phần trang bị những kiến thức tổng quan về địa lý tự nhiên Việt nam, về lịch sử Việt Nam, quá trình hình thành lãnh thổ Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Từ kiến thức về văn hóa, địa lý, lịch sử người học áp dụng linh hoạt trong giải quyết các công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai. Cũng qua đó giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc, ý thức bảo vệ Tổ Quốc, khát vọng cống hiến để phát triển đất nước hòa bình, thịnh vượng trong thời kỳ hội nhập.	30/0/60	
38	11 11 1 5 012	Toán ứng dụng	Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về dãy số, hàm số và giới hạn; sự liên tục của hàm số; đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm một biến; ma trận và các phép toán về ma trận; định thức; hệ phương trình tuyến tính; phép tính vi phân của hàm nhiều biến và tích phân bội.	30/0/60	
39	15 04 1 5 401	Quản trị học	Quản trị học là môn học nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức, dự án. Chương 1 cung cấp các khái niệm cơ bản, đại cương về Quản trị học; môi trường hoạt động của tổ chức. Chương 2 các chức năng quản trị, nhà quản trị và các lý thuyết quản trị. Chương 3 trình bày về các tình huống quản trị trong thực tế để minh họa cho học viên nắm bắt các vấn đề thực tiễn.	30/0/60	

2.2. Kiến thức cơ sở ngành

40	15 04 1 5 118	Nguyên lý thống kê	Trang bị cho sinh viên các vấn đề về lý thuyết, chuẩn bị cho những tiết thực hành trên máy tính có hiệu quả, là cơ sở quan trọng cho người học tiếp cận các môn học chuyên ngành kinh tế. Trang bị cho sinh viên khả năng ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh với các ví dụ gắn gũi với thực tế.	30/0/60	
41	15 02 1 5 101	Cơ sở quản lý đất đai	Trình bày những kiến thức cơ bản về (1) Cơ sở lý luận nghiên cứu quản lý đất đai bao gồm các nội dung về nguyên lý Bất định và lý thuyết Vị thế - Chất lượng, các ứng dụng trong nghiên cứu quản lý đất đai; (2) Lý thuyết về quản lý đất đai bao gồm các nội dung về vai trò của nhà nước trong quản lý đất đai, nội dung, phương pháp và cơ chế quản lý nhà nước về đất đai, tổng quan các hệ thống quản lý đất đai ở một số nước trên thế giới và tìm hiểu chi tiết về hệ thống quản lý nhà nước về đất đai của nước CHXHCN Việt Nam.	30/0/60	
42	15 01 1 5 101	Tài nguyên đất đai	Trình bày 03 nội dung chính, bao gồm: tổng quan những vấn đề cơ bản về tài nguyên đất đai; nghiên cứu điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và mối quan hệ đến việc hình thành tài nguyên đất đai Việt Nam; nghiên cứu những tính chất cơ bản về đất và phân loại, đánh giá tài nguyên đất đai theo quan điểm phát sinh và quan điểm kinh tế-xã hội.	30/0/60	
43	15 04 1 5 101	Kinh tế đất đai	Nắm vững kiến thức về cơ chế hoạt động và các hình thức biểu hiện của các quy luật kinh tế trong sử dụng đất đai, cụ thể như khái niệm đất đai, quan hệ sở hữu đất đai, quy luật phân vùng và giá trị đất đai,... Có khả năng phân tích tổng hợp lý giải các vấn đề về đất đai một cách khoa học; Nhận biết được các xu hướng sử dụng đất đai dưới tác động của các quy luật kinh tế khách quan, từ đó có thể xác định được các biện pháp phát huy tính tích cực hay giới hạn tác động tiêu cực của các quy luật này.	30/0/60	
44	15 02 1 5 116	Chính sách đất đai	Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về chính sách đất đai. Học phần được chia thành 3 phần, có nội dung cơ bản là: tổng quan về chính sách và chính sách đất đai, các nguyên tắc cơ bản của chính sách đất đai và một số chính sách đất đai chính.	30/0/60	
2.3. Kiến thức ngành					
45	15 01 1 5 118	Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất đai	Học phần Sử dụng và Bảo vệ Tài nguyên đất đai bao gồm 04 nội dung chính: (1) Những vấn đề cơ bản về tài nguyên đất: trình bày khái niệm, các đặc điểm của	30/0/60	

			đất đai, các tính chất thổ nhượng của đất đai, tình hình sử dụng tài nguyên đất ở Việt Nam; (2) Giá trị sử dụng đất đai: Nghiên cứu các khái niệm, các chỉ tiêu xác định giá trị sử dụng, phương pháp sử dụng đất, khả năng sử dụng một số nhóm đất chính ở Việt Nam và tác động của chuyển đổi mục đích sử dụng đất đến chất lượng đất đai; (3) Nghiên cứu các quá trình thoái hóa và ô nhiễm đất: Khái niệm; các loại hình và yếu tố ảnh hưởng đến thoái hóa đất, ô nhiễm đất; nguyên nhân của thoái hóa ô nhiễm đất, thực trạng, hậu quả của thoái hóa, ô nhiễm đất; phương pháp và quy trình đánh giá thoái hóa đất; (4) Khái niệm, sự cần thiết phải bảo vệ đất và các giải pháp bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên đất.		
46	15 01 1 5 103	Đánh giá đất đai	Học phần Đánh giá đất đai trình bày những vấn đề về đánh giá tiềm năng nguồn tài nguyên đất đai trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất đai, căn cứ xác định các chỉ tiêu về tự nhiên và kinh tế xã hội để xây dựng bản đồ đơn vị đất đai, lựa chọn, mô tả loại hình sử dụng đất, yêu cầu sử dụng đất và xác định các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội và môi trường để đánh giá khả năng thích nghi của từng mục đích cụ thể cho từng đơn vị đất đai trên quan điểm sinh thái và phát triển bền vững...	30/0/60	
47	15 04 1 5 102	Định giá đất đai	Nắm vững cơ sở lý luận về giá trị đất đai, các nguyên tắc và phương pháp định giá đất đai. Nhận biết và định lượng được mức độ tác động các yếu tố ảnh hưởng đến giá cả đất đai; xác định được giá trị đất đai các loại cho từng mục tiêu cụ thể.	30/0/60	
48	15 01 1 5 104	Quy hoạch sử dụng đất đai	Quy hoạch đất đai là môn học chuyên ngành cung cấp những kiến thức về cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý của quy hoạch đất đai theo ngành và theo lãnh thổ, xét trong mối quan hệ với quy hoạch liên ngành, quy hoạch ngành; nội dung và phương pháp quy hoạch đất đai.	30/0/60	
49	15 04 1 5 119	Phân tích định lượng cho quản lý	Phân tích định lượng trong quản lý là học phân trong nhóm kiến thức chung của ngành quản lý đất đai. Học phần cung cấp kiến thức chung về thống kê toán, phân tích hồi quy; phương pháp dự báo định lượng, mô hình toán và phương pháp tối ưu. Từ đó giúp sinh viên có kiến thức nền cho các môn học chuyên ngành.	30/0/60	
50	15 04 1 5 108	Tài chính và đầu tư bất động sản	Môn học này giới thiệu cho sinh viên công cụ phân tích quyết định đầu tư tài sản bất động sản bao gồm kiến thức về các lĩnh vực liên quan đến đầu tư và kỹ thuật được sử dụng để đánh giá các quyết định tài chính liên quan đến bất động sản thương mại.	30/0/60	

51	15 04 1 5 115	Phát triển bất động sản	Trình bày các kiến thức tổng hợp về quá trình phát triển bất động sản, bao gồm các bước tìm kiếm đất đai, hình thành ý tưởng kinh doanh, nghiên cứu thị trường, thiết kế ý tưởng, tìm nguồn tài chính tài trợ cho dự án và lập hồ sơ dự án, xin cấp phép, vay vốn và triển khai dự án.	30/0/60	
52	15 04 1 5 111	Quản trị bất động sản	Môn học trình bày các kiến thức tổng quan về quản trị BĐS (khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu của môn học, cung cấp cho sinh viên tổng quan các quy định quản trị BĐS theo quy định của pháp luật và tình hình phát triển quản trị BĐS của Việt Nam hiện nay); Nội dung quản trị BĐS (Quản trị khách hàng, Quản lý các dịch vụ BĐS, Quản trị tài chính BĐS...); Thiết lập kế hoạch và quy trình quản trị BĐS (Lập phương án quản lý, Kế hoạch nhân sự; Thiết lập quy trình quản lý, Thiết lập hệ thống kiểm soát...) và thực hành, khảo sát một số mô hình quản trị BĐS cụ thể.	30/0/60	
53	15 00 1 5 101	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho người học những kiến thức về phương pháp luận và phương pháp thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học.	30/0/60	
2.4. Kiến thức chuyên ngành					
54	15 03 1 5 101	Tin học chuyên ngành	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề trong hoạt động quản lý đất đai.	15/0/30	
55	15 03 1 5 102	Thực hành tin học chuyên ngành	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức về sử dụng các phần mềm chuyên ngành để giải quyết các bài toán trong hoạt động quản lý đất đai.	0/60/60	
56	15 04 1 5 120	Mô hình hóa định giá đất đai	- Trình bày các kiến thức cơ bản về mô hình hóa toán học và mô hình toán học giá đất, phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính và hồi quy cây quyết định xây dựng mô hình toán học giá đất, quy trình các bước xây dựng mô hình toán học giá đất, các ứng dụng trong định giá đất hàng loạt và cụ thể. - Trình bày cơ sở khoa học về định giá đất đai, các tiêu chuẩn Thẩm định giá tài sản Việt Nam, các nguyên tắc và phương pháp định giá đất đai theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành; về quy trình định giá đất cụ thể và hàng loạt.	30/0/60	
57	15 04 1 5 104	Thị trường bất động sản	Nắm vững những vấn đề cơ bản về cung cầu và giá cả bất động sản, các đặc điểm của các phân hệ thị trường này; cơ chế quản lý nhà nước về thị trường bất động sản.	30/0/60	

			Có khả năng phân tích tổng hợp lý giải các vấn đề về sự vận động của đất đai, nhà ở trong thị trường một cách khoa học; Nhận biết được các xu hướng vận động của thị trường và tác động của nó tới việc sử dụng nhà đất, từ đó có thể xác định được các biện pháp quản lý phù hợp.		
58	15 04 1 5 105	Phân tích thị trường bất động sản	Học phần phân tích thị trường bất động sản trình bày những vấn đề về phương pháp phân tích định lượng thị trường bất động sản như phân tích và xây dựng mô hình giá bất động sản, phân tích xác định các phân khúc và phân vùng của cầu thị trường bất động sản, phân tích lợi nhuận đầu tư và đánh giá tiềm năng phát triển bất động sản trong các phân khúc và phân vùng thị trường, đồng thời ứng dụng kết quả phân tích vào quản lý và phát triển thị trường bất động sản.	30/0/60	
59	15 04 1 5 106	Định giá bất động sản	Nắm vững các tiêu chuẩn thẩm định giá tài sản quốc tế và tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam; các phương pháp và quy trình định giá các loại bất động sản chuyên biệt; chuẩn mực nghề nghiệp định giá bất động sản trong nước và trên thế giới. Nhận biết được các loại bất động sản; lựa chọn được phương pháp và kỹ thuật định giá phù hợp ứng với từng loại bất động sản trong một điều kiện xác định; phân tích được những ưu và nhược điểm của từng phương pháp sử dụng trong định giá bất động sản cụ thể; xác định được giá trị của bất động sản cụ thể tại một thời điểm xác định cho từng mục đích riêng biệt làm cơ sở tư vấn cho việc đưa ra các quyết định liên quan đến bất động sản như mua/bán, thuê/cho thuê, thế chấp/nhận thế chấp, đầu tư/góp vốn liên doanh.	30/0/60	
60	15 04 1 5 103	Hệ thống quản lý giá đất	Trình bày tổng hợp các kiến thức về hệ thống quản lý giá đất bao gồm các văn bản pháp luật, các tiêu chí phân vùng, phân khu vực và vị trí đất, các phương pháp và quy trình định giá đất hàng loạt và cụ thể theo quy định của pháp luật hiện hành, giới thiệu hệ thống thông tin hỗ trợ định giá đất.	30/0/60	
61	15 04 1 5 110	Marketing bất động sản	Học phần Marketing bất động sản cung cấp những kiến thức chuyên sâu về marketing trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, cụ thể giải quyết các vấn đề về phân tích thị trường, phân tích khách hàng, đối thủ cạnh tranh... nhằm xác định phân khúc thị trường tiềm năng. Môn học còn đề cập đến các yếu tố cơ bản của marketing bất động sản: sản phẩm bất động sản, phương pháp định giá, kênh phân phối và các chương trình hỗ trợ khác.	30/0/60	

62	15 04 1 5 112	Kiến trúc công trình xây dựng	Trình bày những kiến thức chung về kiến trúc công trình bất động sản, làm cơ sở chung cho việc nghiên cứu thiết kế kiến trúc của từng loại công trình nhà ở, bao gồm các loại hình kiến trúc, phân khu chức năng và tổ hợp không gian nhà ở, thẩm mỹ nhà ở, trên cơ sở đó ứng dụng tổng hợp trong quy hoạch, phát triển và quản lý nhà ở.	30/0/60	
63	15 04 1 5 113	Dự toán công trình xây dựng	Hiểu rõ các bộ phận cấu tạo của các loại công trình xây dựng và tác dụng của nó thông qua môn học Kiến trúc công trình xây dựng đã học, môn học Dự toán công trình xây dựng là môn học giúp tính toán được toàn bộ chi phí đầu tư cho một công trình thực tế.	30/0/60	
64	15 04 1 5 109	Lập dự án đầu tư bất động sản	Trình bày những kiến thức chung về đầu tư và dự án đầu tư, về nội dung, quy trình và phương pháp lập dự án đầu tư bất động sản; các tiêu chuẩn đánh giá lựa chọn và thẩm định dự án đầu tư bất động sản.	30/0/60	
65	15 04 1 5 114	Quản lý dự án đầu tư bất động sản	Môn học trình bày các kiến thức cơ bản về: đầu tư, dự án đầu tư BĐS, mô hình tổ chức và quản lý dự án đầu tư BĐS, lập kế hoạch dự án, quản lý phân phối các nguồn lực, dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án, quản lý chất lượng dự án, giám sát và đánh giá dự án, quản lý rủi ro đầu tư bất động sản. Ngoài ra, một bài tập lớn về mô hình quản lý dự án sẽ được tổ chức thực hiện theo nhóm.	30/0/60	
66	15 04 1 5 125	Đồ án Định giá bất động sản	Đồ án định giá bất động sản là môn học chuyên sâu của ngành cung cấp các kỹ năng cơ bản về việc xác định giá bất động sản bằng những phương pháp định giá cụ thể như phương pháp so sánh, phương pháp thu nhập, phương pháp thặng dư, phương pháp chi phí. Việc ứng dụng mỗi phương pháp đòi hỏi sinh viên có sự hiểu biết chính xác về từng đặc điểm của thửa đất và mục đích sử dụng đất phù hợp. Khi làm đồ án tốt nghiệp, giúp người học hiểu rõ hơn về các khái niệm giá cả, giá trị, các hình thái của giá trị bất động sản và vận dụng phương pháp định giá chính xác hơn.	0/0/60	
67	15 04 1 5 126	Đồ án Phân tích thị trường bất động sản	Vận dụng những kiến thức về lý thuyết, phương pháp và quy trình phân tích định lượng thị trường BĐS trong việc xây dựng hàm giá BĐS, xác định chỉ số giá BĐS trong các phân khúc thị trường và dự báo xu hướng cung cầu thị trường BĐS.	0/0/60	
68	15 04 1 5 210	Đồ án Lập dự án đầu tư bất động sản	Đồ án Lập dự án đầu tư bất động sản là môn học chuyên sâu của ngành, vận dụng những kiến thức về lý thuyết đã học: nội dung, quy trình và phương pháp lập dự án đầu tư bất động sản; các tiêu chuẩn	0/0/60	

			đánh giá lựa chọn và thẩm định dự án đầu tư bất động sản.		
69	15 04 1 5 127	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	- Chọn đề tài, địa phương hoặc đơn vị hoạt động trong ngành NN để thực tập nắm bắt, tìm hiểu những hoạt động trong thực tế sản xuất NN ở Việt Nam. - Phân tích những ưu, nhược điểm của đơn vị và kiến nghị những giải pháp đem lại hiệu quả hơn mang tính khoa học, thực tiễn.	0/0/30	
70	15 02 1 5 120	Luật đất đai	Trang bị cho sinh viên một cách hệ thống các kiến thức tổng quát về nhà nước và pháp luật. Giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu các môn học thuộc kiến thức chuyên ngành và vận dụng vào thực tiễn hiện nay cũng như sau khi tốt nghiệp.	30/0/60	
71	15 02 1 5 123	Luật kinh doanh bất động sản	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản trong hoạt động kinh doanh bất động sản, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh bất động sản và quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản, giúp sinh viên tiếp cận kiến thức pháp luật chuyên sâu phục vụ cho các môn học khác trong chuyên ngành.	30/0/60	
72	15 02 1 5 124	Luật nhà ở và Luật xây dựng	Tăng cường pháp chế XHCN và tạo nền tảng cơ sở cho sinh viên hiểu và vận dụng quy định của pháp luật vào thực tế. Sinh viên nhận thức đúng đắn về vai trò của luật pháp trong sự phát triển của nền kinh tế - xã hội	30/0/60	
73	15 02 1 5 122	Luật dân sự	Nắm vững những kiến thức cơ bản mang tính lý luận về lĩnh vực dân sự; Quan hệ pháp luật dân sự; Giao dịch dân sự; Hợp đồng dân sự; Nhóm quan hệ về nhân thân và tài sản trong quan hệ dân sự, kinh doanh, thương mại. Phân tích các nhóm quan hệ tài sản, nhân thân, thương mại; vận dụng vào thực tế, quan sát và hiểu rõ các quan hệ nhân thân - tài sản, cơ chế giao dịch tự do trong thị trường, cơ chế hoạt động kinh doanh bất động.	30/0/60	
74	15 04 1 5 209	Marketing trực tuyến	Học phần Marketing trực tuyến trình bày những khái niệm và phương pháp thực hiện tối ưu hóa về marketing trực tuyến nhằm đem lại hiệu quả cao cho các chiến lược và chiến dịch marketing của một doanh nghiệp trên nền tảng internet, cụ thể học về phương pháp SEM, SEO, PPC, Email Marketing, Social Media.	30/0/60	
75	15 04 1 5 202	Kiến trúc cảnh quan	Học phần cung cấp kiến thức về hệ thống kiến trúc tổ chức không gian, môi trường trong và ngoài đô thị ở Việt Nam và trên thế giới.	30/0/60	
76	15 00 1 5 205	Văn hoá bản địa và kiến trúc công trình du lịch - nghỉ dưỡng	Học phần cung cấp kiến thức về văn hóa của các vùng miền và đặc trưng kiến trúc tại từng nơi. Ngoài ra môn học còn trình bày mối quan hệ, sự liên kết giữa nền văn hóa bản địa với kiến trúc công	30/0/60	

			trình đặc biệt các công trình du lịch, nghỉ dưỡng.		
77	15 04 1 5 203	Kiến trúc công trình du lịch - nghỉ dưỡng vùng nông thôn	Trình bày những kiến thức chung về kiến trúc công trình phục vụ trong ngành du lịch, các công trình bất động sản nghỉ dưỡng nói chung. Từ đó đi sâu phân tích các đặc điểm thiết kế kiến trúc các công trình du lịch, nghỉ dưỡng ở khu vực nông thôn.	30/0/60	
78	15 04 1 5 211	Quản trị môi trường và kỹ thuật toà nhà	Môn học trình bày các khái niệm về công trình nhà ở, toà nhà và các công trình khác; các phương pháp quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường công trình; các phương pháp phòng ngừa và xử lý ô nhiễm dạng khí. Ngoài ra học phần còn trình bày các khái niệm về thông gió và kiểm soát thông gió trong các công trình, về chiếu sáng trong các công trình và điều khiển chiếu sáng hiệu quả.	30/0/60	
79	15 01 1 5 122	Quy hoạch sử dụng đất đô thị	Môn học trình bày những vấn đề chung về đô thị, quy hoạch và quản lý đô thị làm cơ sở chung cho việc nghiên cứu quy hoạch đô thị; Các phương pháp phân vùng sử dụng đất đô thị; Các phương pháp lựa chọn đất xây dựng đô thị; Các nguyên lý tổ chức các khu chức năng và liên kết thành tổ chức không gian đô thị; Quản lý quy hoạch đô thị; Nội dung, quy trình và các sản phẩm của các đồ án quy hoạch đô thị.	30/0/60	
80	15 00 1 5 203	Phong thủy và ứng dụng	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, trang bị cho người học nắm vững các kiến thức về phong thủy, các ứng dụng của phong thủy trong chọn đất xây nhà ở và quy hoạch đất đai và kiến trúc xây dựng, bố trí nội thất.	30/0/60	
81	15 02 1 5 107	Hệ thống đăng ký đất đai	Hiểu được vị trí và vai trò của đăng ký đất đai trong hệ thống quản lý nhà nước về đất đai, nắm vững kiến thức về hệ thống các tiêu chí đăng ký, hệ thống hồ sơ đăng ký, cơ chế đăng ký đất đai. Có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề đăng ký đất đai, có kỹ năng nghiệp vụ đăng ký và hoàn thiện hồ sơ địa chính.	30/0/60	
82	15 02 1 5 108	Thống kê và kiểm kê đất đai	Nắm vững nội dung về thống kê đất đai hàng năm, kiểm kê đất đai định kỳ và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất đai. Thực hiện được các nghiệp vụ về thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất đai.	30/0/60	
83	15 03 1 5 105	Quản lý thông tin đất đai	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức về thông tin đất đai, nhận biết được vai trò và chức năng của thông tin đất đai trong hệ thống quản lý đất đai, biết được các phương pháp thu nhận, lưu trữ và xử lý thông tin đất đai.	30/0/60	

84	15 03 1 5 201	Cơ sở dữ liệu 3D và ứng dụng	Học phần trình bày những nội dung cơ bản về (1) Cơ sở lý thuyết về mô hình hóa các đối tượng địa lý trong không gian 3 chiều; (2) Cơ sở lý thuyết về mô hình thông tin công trình (BIM) và mô hình số tòa nhà (DBM) (3) Phương pháp xây dựng và vận hành mô hình số tòa nhà; (4) Khai thác thông tin trong mô hình số tòa nhà phục vụ công tác quản lý bất động sản.	30/0/60	
2.5. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp					
85	15 04 1 5 130	Thực tập tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp là học phần quan trọng, nhằm gắn chặt việc học tập lý thuyết với lao động sản xuất thực tế, tạo điều kiện cho sinh viên trực tiếp tham gia sản xuất, nâng cao chất lượng đào tạo một cách toàn diện. Sinh viên được thực tập tại cơ quan, công ty về quản lý đất đai để tìm hiểu, làm quen, nắm bắt được nội dung các công việc trong ngành quản lý đất đai.	0/0/120	
86	15 04 1 5 131	Khóa luận tốt nghiệp	Giúp cơ sở đào tạo nhận biết được năng lực chuyên môn của học viên làm cơ sở để xét tốt nghiệp. Giúp sinh viên nâng cao kiến thức thực tiễn, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, khả năng tư duy đồng thời phát triển kỹ năng đặt câu hỏi và giải quyết vấn đề trong thực tế công việc chuyên môn sau khi ra trường.	0/0/240	

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			7							
1	11 13 1 5 006	Anh văn 1	3	45	0	0		90		
2	11 11 1 5 008	Toán cao cấp 1	2	30	0	0		60		
3	12 11 1 5 015	Pháp luật đại cương	2	30	0	0		60		
4	Giáo dục thể chất									
4.1	20 00 15 001	GDTC - Đá cầu	1	6	24	0				
4.2	20 00 15 002	GDTC – Bóng chuyền	1	6	24	0				
4.3	20 00 15 003	GDTC – Cầu Lông	1	6	24	0				
4.4	20 00 15 004	GDTC – Điền kinh	1	6	24	0				
4.5	20 00 15 005	GDTC – Thể dục	1	6	24	0				
5	201115006	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	0	0	0		0		
Học phần tự chọn			6							
6	11 12 1 5 009	Cơ - Nhiệt	2	30	0	0		60		Tự chọn 4/8TC
7	18 02 1 5 212	Kinh tế vi mô	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34 TC
8	18 02 1 5 666	Kinh tế học đại cương	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34 TC
9	14 01 1 5 002	Môi trường và con người	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34 TC

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
10	13 11 1 5 070	Khí tượng và khí hậu đại cương	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
11	13 12 1 5 060	Thủy văn đại cương	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
12	22 11 1 5 069	Tài nguyên nước	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
Tổng (không kể GDTC và GDQP)			27	420	0	120		780		

Học kỳ 2:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			14							
1	12 11 1 5 010	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	0				
2	11 13 1 5 002	Anh văn 2	3	45	0	0		90	11 13 1 5 006	
3	11 11 1 5 009	Toán cao cấp 2	2	30	0	0		60	11 11 1 5 008	
4	11 11 1 5 011	Xác suất thống kê	2	30	0	0		60	11 11 1 5 009	
5	17 01 1 5 151	Cơ sở dữ liệu đại cương	2	30	0	0		60		
6	15 02 1 5 101	Cơ sở quản lý đất đai	2	30	0	0		60		
Học phần tự chọn			6							
7	11 12 1 5 010	Điện từ - Quang	2	30	0	0		60	11 12 1 5 001	Tự chọn 4/8TC
8	11 12 1 5 004	Hóa học đại cương	2	30	0	0		60		Tự chọn 4/8TC
9	15 00 1 5 150	Sinh thái học cảnh quan	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
10	15 00 1 5 151	Địa lý học lịch sử Việt Nam	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
11	15 00 1 5 120	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
12	18 02 1 5 213	Kinh tế vĩ mô	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
13	18 02 1 5 999	Kinh tế học bền vững	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
Tổng			20	285	0	0	0	570		

Học kỳ 3:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			15							
1	12 11 1 5 011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	0		60	12 11 1 5 010	
2	16 01 1 5 100	Trắc địa đại cương	3	45	0	0		90		
3	17 02 1 5 002	Hệ thống thông tin địa lý đại cương	2	30	0	0		60		
4	15 04 1 5 118	Nguyên lý thống kê	2	30	0	0		60		
5	15 01 1 5 101	Tài nguyên đất đai	2	30	0	0		60		
6	15 04 1 5 101	Kinh tế đất đai	2	30	0	0		60		
7	15 02 1 5 116	Chính sách đất đai	2	30	0	0		60		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần tự chọn			4							
8	11 11 1 5 010	Toán cao cấp 3	2	30	0	0		60	11 11 1 5 009	Tự chọn 4/8TC
9	15 00 1 5 119	Xã hội học đại cương	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
10	19 01 1 5 152	Địa chất thủy văn sinh thái	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
11	11 11 1 5 012	Toán ứng dụng	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
12	15 04 1 5 401	Quản trị học	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
Tổng			19	315	0	0		660		

Học kỳ 4:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			10							
1	12 11 1 5 012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0		60	12 11 1 5 011	
2	16 03 1 5 101	Bản đồ đại cương	2	30	0	0		60		
3	15 01 1 5 103	Đánh giá đất đai	2	30	0	0		60	15 01 1 5 101	
4	15 04 1 5 119	Phân tích định lượng cho quản lý	2	6	24	0		60		
5	17 01 1 5 010	Lập trình căn bản	2	30	0	0		60		
Học phần tự chọn			6							
6	15 00 1 5 103	Logic học đại cương	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
7	15 00 1 5 104	Tâm lý học đại cương	2	30	0	0		60		Tự chọn 14/34TC
8	15 02 1 5 120	Luật đất đai	2	30	0	0		60	15 02 1 5 116	Tự chọn 12/30
9	15 02 1 5 123	Luật kinh doanh bất động sản	2	30	0	0		60	12 11 1 5 015	Tự chọn 12/30
10	15 02 1 5 122	Luật dân sự	2	30	0	0		60	12 11 1 5 015	Tự chọn 12/30
Tổng			16	120	0	0		240		

Học kỳ 5:

Học Kỳ 3.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			13							
1	12 11 1 5 013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0		60	12 11 1 5 012	
2	15 01 1 5 118	Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất đai	2	30	0	0		60	15 01 1 5 103	
3	15 04 1 5 102	Định giá đất đai	2	30	0	0		60	15 01 1 5 101	
4	15 01 1 5 104	Quy hoạch sử dụng đất đai	2	30	0	0		60	15 01 1 5 101	
5	15 00 1 5 101	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0	0		60	15 02 1 5 101	
6	15 04 1 5 104	Thị trường bất động sản	2	30	0	0		60		
7	15 04 1 5 127	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	1	0	0	0	30			
Học phần tự chọn			4							
8	15 02 1 5 107	Hệ thống đăng ký đất đai	2	30	0	0		60	15 02 1 5 120	Tự chọn 12/30

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
9	15 02 1 5 108	Thống kê và kiểm kê đất đai	2	30	0	0		60	15 02 1 5 120	Tự chọn 12/30
10	15 03 1 5 105	Quản lý thông tin đất đai	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
11	15 04 1 5 202	Kiến trúc cảnh quan	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
12	15 02 1 5 124	Luật nhà ở và Luật xây dựng	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
Tổng			17	240	0	0	90	480		

Học kỳ 6:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			19							
1	12 11 1 5 014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	0		60	12 11 1 5 013	
2	15 04 1 5 108	Tài chính và đầu tư bất động sản	2	30	0	0		60	15 04 1 5 104	
3	15 03 1 5 101	Tin học chuyên ngành	1	15	0	0		30		
4	15 03 1 5 102	Thực hành tin học chuyên ngành	2	0	0	60		60	15 03 1 5 101	
5	15 04 1 5 120	Mô hình hóa định giá đất đai	2	30	0	0		60	15 04 1 5 102	
6	15 04 1 5 112	Kiến trúc công trình xây dựng	2	30	0	0		60		
7	15 04 1 5 106	Định giá bất động sản	2	30	0	0		60	15 04 1 5 104	
8	15 04 1 5 110	Marketing bất động sản	2	30	0	0		60		
9	15 04 1 5 111	Quản trị bất động sản	2	30	0	0		60		
10	15 04 1 5 125	Đồ án Định giá bất động sản	2	0	0	0	60		15 04 1 5 106	
Học phần tự chọn			2							
11	15 01 1 5 122	Quy hoạch sử dụng đất đô thị	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
12	15 00 1 5 203	Phong thủy và ứng dụng	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
13	15 03 1 5 201	Cơ sở dữ liệu 3D và ứng dụng	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
Tổng			21	195	0	60	60	450		

Học kỳ 7:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			18							
1	15 04 1 5 115	Phát triển bất động sản	2	30	0	0		60	15 04 1 5 109	
2	15 04 1 5 105	Phân tích thị trường bất động sản	2	30	0	0		60	15 04 1 5 104	
3	15 04 1 5 103	Hệ thống quản lý giá đất	2	30	0	0		60	15 04 1 5 102	
4	15 04 1 5 113	Dự toán công trình xây dựng	2	30	0	0		60	15 04 1 5 112	
5	15 04 1 5 109	Lập dự án đầu tư bất động sản	2	30	0	0		60	15 04 1 5 108	

6	15 04 1 5 114	Quản lý dự án đầu tư bất động sản	2	30	0	0		60	15 04 1 5 109	
7	15 04 1 5 126	Đồ án Phân tích thị trường bất động sản	2	0	0	0	60		15 04 1 5 105	
8	15 04 1 5 130	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	0	120		15 04 1 5 127	
Học phần tự chọn			2							
9	15 04 1 5 211	Quản trị môi trường và kỹ thuật toà nhà	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
10	15 04 1 5 209	Marketing trực tuyến	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
11	15 00 1 5 205	Văn hoá bản địa và kiến trúc công trình du lịch - nghỉ dưỡng	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
12	15 04 1 5 203	Kiến trúc công trình du lịch - nghỉ dưỡng vùng nông thôn	2	30	0	0		60		Tự chọn 12/30
Tổng			20	270	0	0	180	540		

Học kỳ 8:

Học kỳ 8:										
TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			10							
1	15 04 1 5 131	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	0	0	240		15 04 1 5 130	
2	15 04 1 5 210	Đồ án Lập dự án đầu tư bất động sản	2	0	0	0	60		15 04 1 5 109	
Tổng			10	90	0	0	240	120		

1) Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Bất động sản được xây dựng trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ giáo dục và Đào tạo và nhu cầu nhân lực thực tế, bao gồm 136 tín chỉ.

2) Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

3) Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian trên cơ sở chương trình đào tạo và cây môn học, với sự hướng dẫn của cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

4) Thực tập, kiến tập: Trong khóa học sinh viên được tham quan thực tế các doanh nghiệp, trước khi làm tốt nghiệp sinh viên được đi thực tập thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh.

5) Phương pháp dạy, học: Kết hợp các phương pháp giảng dạy tích cực, tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong quá trình dạy và học.

6) Kiểm tra, thi: Tùy theo từng môn học, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của các sinh viên do các giáo viên đánh giá, kết thúc môn học sinh viên sẽ được đánh giá thông qua một bài thi hết môn. Kết quả đánh giá là sự kết hợp của cả 2 hình thức: thi kết thúc môn và đánh giá quá trình của các giáo viên giảng dạy môn học.

7) Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

8) Trường Bộ môn Bất động sản chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Bộ môn Bất động sản đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập,...

9) Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật định kỳ theo quy định. Những thay đổi như cập nhật chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy học tập, cải tiến công tác giảng dạy và đánh giá... được xem xét điều chỉnh thay đổi, thêm hoặc bỏ các học phần để đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan.

TRƯỞNG KHOA

Trần Thanh Hùng

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Lê Hoàng Nghiêm

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Quyền